

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2026/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 8 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Bà Ngô Hồng Dưỡng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 566/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Hồng N, sinh năm 1996; CCCD số: 096196009885 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Trần Hồng N trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Trần Hồng N và anh Lê Văn M tự nguyện kết hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nay là (Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nay chị N xin ly hôn anh M.

- Về con chung: Lê Trần Gia H (nam), sinh ngày 06/04/2015 và Lê Trần Gia H1 (nam), sinh ngày 14/11/2018. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N và anh M tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

* *Bị đơn anh Lê Văn M:* Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Hồng N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; anh Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Hồng N và anh Lê Văn M kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau) vào ngày 25/4/2017 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N có yêu cầu ly hôn, anh M không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị N. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân đã không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn anh M.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Gia H đang do anh M nuôi dưỡng, cháu Gia H1 do chị N nuôi dưỡng. Tuy nhiên, cả hai cháu đều có nguyện vọng sống cùng chị N. Do đó, giao cháu Gia H, G cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Buộc anh M phải giao cháu Gia H cho chị N nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng chị N không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị N xác định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồng N, cho chị Trần Hồng N được ly hôn anh Lê Văn M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao các con chung Lê Trần Gia H (nam), sinh ngày 06/4/2015 và Lê Trần Gia H1 (nam), sinh ngày 14/11/2018 cho chị Trần Hồng N được tiếp tục trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Lê Văn M phải giao cháu Lê Trần Gia H cho chị Trần Hồng N nuôi dưỡng.

2.2. Anh Lê Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Hồng N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000258 ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị N, anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng GD, KT và THATAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Biện Thị Nhung

